

Biểu số: 11/BCDP

Ban hành theo Thông tư số
07/2018/TT-BXD ngày
08/8/2018 của Bộ trưởng Bộ
Xây dựng

Ngày nhận báo cáo:

Báo cáo năm ước tính: Ngày
15/12 năm báo cáo;

Báo cáo năm chính thức: Ngày
15/2 năm sau.

SỐ LƯỢNG NHÀ Ở, DIỆN TÍCH NHÀ Ở CÔNG VỤ HIỆN CÓ VÀ SỬ DỤNG Đơn vị báo cáo:
(Năm)

Sở Xây
dựng.....

Đơn vị nhận báo
cáo:

Bộ Xây dựng

	Đơn vị tính	Mã số	Tổng số	Chia theo loại nhà		
				Căn hộ	Nhà liền kề	Biệt thự
<i>A</i>	<i>B</i>	<i>C</i>	$I=2+3+4$	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>
1. Số nhà lượng nhà ở công vụ hiện có và sử dụng. Chia ra:	căn hộ/nhà ở	01				
- Khu vực thành thị	-	02				
- Khu vực nông thôn	-	03				
2. Diện tích nhà ở công vụ hiện có và sử dụng. Chia ra:	m ²	04				
- Khu vực thành thị	-	05				
- Khu vực nông thôn		06				

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

..., ngày... tháng... năm...
Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu số 11/BCĐP: Số lượng nhà ở, diện tích nhà ở công vụ hiện có và sử dụng

1. Khái niệm

- Nhà ở công vụ là nhà ở do Nhà nước đầu tư xây dựng (bao gồm cả mua, thuê nhà ở thương mại để làm nhà ở công vụ) được dùng để cho các đối tượng thuộc diện được ở nhà công vụ theo quy định của Luật Nhà ở 2014; Nghị định 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ; Thông tư 09/2015/TT-BXD ngày 29/12/2015 của Bộ Xây dựng.

Các đối tượng được thuê nhà ở công vụ được quy định gồm:

* Cán bộ lãnh đạo của Đảng, Nhà nước thuộc diện ở nhà công vụ trong thời gian đảm nhận chức vụ;

* Cán bộ, công chức thuộc các cơ quan của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội không thuộc diện quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 32 Luật nhà ở 2014 được Điều động, luân chuyển đến công tác tại cơ quan trung ương giữ chức vụ từ cấp Thứ trưởng và tương đương trở lên; được Điều động, luân chuyển đến công tác tại địa phương giữ chức vụ từ Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, Giám đốc Sở và tương đương trở lên;

* Cán bộ, công chức thuộc các cơ quan của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội không thuộc diện quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 32 Luật nhà ở 2014 được Điều động, luân chuyển đến công tác tại xã vùng sâu, vùng xa, vùng có Điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, khu vực biên giới, hải đảo;

* Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp thuộc lực lượng vũ trang nhân dân được Điều động, luân chuyển theo yêu cầu quốc phòng, an ninh, trừ đối tượng mà pháp luật quy định phải ở trong doanh trại của lực lượng vũ trang;

* Giáo viên đến công tác tại khu vực nông thôn, xã vùng sâu, vùng xa, vùng có Điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, khu vực biên giới, hải đảo;

* Bác sĩ, nhân viên y tế đến công tác tại khu vực nông thôn, xã vùng sâu, vùng xa, vùng có Điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, khu vực biên giới, hải đảo;

* Nhà khoa học được giao chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia đặc biệt quan trọng theo quy định của Luật khoa học và công nghệ.

- Số lượng nhà ở công vụ hiện có và sử dụng là tổng số các căn hộ chung cư/nhà liền kề/biệt thự hiện có trên địa bàn tại thời điểm báo cáo.

- Diện tích nhà ở công vụ hiện có và sử dụng là tổng diện tích căn hộ chung cư/nhà liền kề/biệt thự tính theo m² hiện có trên địa bàn tại thời điểm báo cáo.

2. Phương pháp tính và cách ghi biểu

Phương pháp tính

* Mỗi căn hộ chung cư/nhà ở liền kề/biệt thự hiện có và sử dụng trên địa bàn tại thời điểm báo cáo được tính là một đơn vị.

* Đối với tính diện tích căn hộ chung cư: diện tích căn hộ chung cư (theo diện tích thông thủy) được tính bằng tổng diện tích sử dụng cho mục đích để ở và sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân; không tính diện tích sử dụng chung (như: cầu thang hành lang chung, nhà bếp và nhà vệ sinh sử dụng chung, phòng bảo vệ, phòng văn hóa,...).

* Đối với tính diện tích nhà ở liền kề/biệt thự: diện tích nhà ở liền kề/biệt thự được tính bằng diện tích sàn xây dựng để sử dụng cho mục đích để ở của hộ gia đình, cá nhân bao gồm diện tích các phòng ngủ, phòng tiếp khách, phòng đọc sách, giải trí,... và diện tích hành lang, cầu thang, tiền sảnh ngôi nhà; không tính diện tích của những công trình độc lập khác không dùng cho mục đích để ở của hộ gia đình (như nhà chăn nuôi, nhà bếp, nhà vệ sinh, nhà kho,...);

Đối với nhà ở một tầng thì ghi tổng diện tích phần nền nhà tính cả phần tường (phần có trần, mái che) của ngôi nhà đó; trường hợp có tường, khung, cột chung thì chỉ tính 1/2 diện tích mặt bằng của tường, khung cột chung đó;

Đối với nhà ở nhiều tầng thì ghi tổng diện tích phần nền nhà tính cả phần tường (phần có trần, mái che) của các tầng; trường hợp có tường, khung, cột chung ở các tầng thì chỉ tính 1/2 diện tích mặt bằng của tường, khung cột chung đó;

Trường hợp nhà ở có gác xép đảm bảo chiều cao từ gác xép đến trần từ 2,1m trở lên và diện tích tối thiểu 4m² thì phần gác xép này được tính vào tổng diện tích ở của căn nhà.

Cách ghi biểu:

* Cột 1: Ghi tổng số nhà ở công vụ hiện có và đang sử dụng (theo khu vực thành thị và nông thôn) và tổng diện tích nhà ở công vụ hiện có và đang sử dụng (theo khu vực thành thị và nông thôn);

Cột 1 = Cột (2+3+4);

- Cột 2: Ghi số lượng căn hộ chung cư hiện có và đang sử dụng (theo khu vực thành thị và nông thôn) và diện tích căn hộ chung cư hiện có và đang sử dụng (theo khu vực thành thị và nông thôn);

- Cột 3: Ghi số lượng nhà liền kề hiện có và đang sử dụng (theo khu vực thành thị và nông thôn) và diện tích nhà liền kề hiện có và đang sử dụng (theo khu vực thành thị và nông thôn);

- Cột 4: Ghi số lượng nhà biệt thự hiện có và đang sử dụng (theo khu vực thành thị và nông thôn) và diện tích nhà biệt thự hiện có và đang sử dụng (theo khu vực thành thị và nông thôn).

3. Nguồn số liệu

- Số liệu được cơ quan có chức năng quản lý nhà cấp xã tổng hợp báo cáo cấp huyện, cấp huyện tổng hợp báo cáo lên cấp tỉnh/thành phố; sở xây dựng địa phương báo cáo Bộ Xây dựng;
- Cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản địa phương.